

ECONOMIC DEVELOPMENT IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREA: THE SITUATION AND SOME ISSUES TO IMPLEMENT

Le Thanh Binh^a
Tran Ai Mui^b

^a Vietnam Academy for Ethnic Minorities
Email: binhlt@hvd.edu.vn

^b KTGD-K01 Class, Vietnam Academy of Ethnic Affairs
Email: aimui0812@gmail.com

Received: 13/8/2022; Reviewed: 27/8/2022; Revised: 07/9/2022; Accepted: 12/9/2022; Released: 30/9/2022
DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/733>

Over the years, the Party and State have always paid attention to investing in economic development in ethnic minority and mountainous area in order to improve the material and spiritual life of ethnic minorities and gradually narrow the gap of development between regions. Therefore, up to now, along with the strong development of the whole country, the economy in the ethnic minority and mountainous area has gained very important achievements, the appearance of ethnic minorities and mountainous areas has flourished. This achievement is due to the appropriate guidelines and policies of the Party and State for ethnic minorities and mountainous area

Keywords: *Economic development; Ethnic minority; situation; Issues to be done; Ethnic minority and mountainous area.*

1. Đặt vấn đề

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) nước ta có địa bàn rộng lớn, chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích tự nhiên của cả nước. Đây là khu vực có vị trí đặc biệt quan trọng về phát triển kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái của cả nước, là cửa ngõ giao lưu với các nước láng giềng và khu vực. Đồng thời, là nơi sinh sống của phần lớn đồng bào các DTTS.

Với vị trí và vai trò quan trọng đó nên trong những năm qua Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với vùng DTTS&MN nhằm hoà chung cùng với sự phát triển của cả nước. Vì vậy, đến nay kinh tế ở vùng DTTS&MN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đời sống của đồng bào các DTTS ngày càng được cải thiện, nâng cao, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được vững mạnh, đồng bào các dân tộc càng tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, yếu kém nhất định như: Vùng DTTS&MN phát triển còn chậm, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao, đời sống của đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn... Những hạn chế, yếu kém này được xác định có nhiều nguyên nhân, đó là: Vùng DTTS&MN có địa bàn rộng, địa hình chia

cắt, giao thông đi lại khó khăn, thêm vào đó là thiên tai tàn phá; chất lượng nguồn nhân lực thấp; chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của vùng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động đồng bào nêu cao tinh thần vượt khó vươn lên làm giàu còn hạn chế...

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm qua, việc nghiên cứu về vấn đề phát triển kinh tế ở vùng đồng bào DTTS&MN đã thu hút được sự quan tâm của các nhà lãnh đạo, các nhà nghiên cứu, trong đó có thể kể đến một số công trình liên quan như:

Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc (2006) với cuốn sách *Giải pháp cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số*, Nxb. Chính trị Quốc gia. Theo đó, cuốn sách đã tập hợp nhiều bài viết của các nhà dân tộc học, quản lý đề cập đến những biến đổi về đời sống kinh tế, văn hóa của các DTTS dưới tác động của định canh định cư, xây dựng thủy điện, chuyên giao công nghệ... Cuốn sách đã mang đến một cái nhìn với nhiều vấn đề cần giải quyết hiện nay ở vùng DTTS&MN để cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc.

Hội thảo “Cơ hội và thách thức đối với vùng DTTS khi Việt Nam gia nhập WTO” do Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc tổ chức (2008). Các bài tham luận đã tập trung làm nổi bật những cơ hội và thách

thức của vùng DTTS, như: “Cơ hội và thách thức đối với vùng DTTS khi Việt Nam gia nhập WTO - phân tầng xã hội ở các vùng DTTS nước ta”; “Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS trong thời kỳ hội nhập”; “Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN”... Đồng thời, các tham luận cũng chỉ ra những nguy cơ biên giới về đời sống đối với vùng DTTS&MN; các giải pháp phát triển kinh tế nhằm duy trì sự ổn định xã hội.

Cuốn sách *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay* (Hoàng Chí Bảo, 2009). Cuốn sách nêu lên một số vấn đề ở vùng DTTS&MN thiếu số hiện nay như: Vấn đề dân tộc và quan hệ tộc người tại các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay; Quan điểm, phương hướng và giải pháp nhằm đảm bảo công bằng, bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) trong các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta hiện nay.

Bài viết *Mấy vấn đề về kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh ở vùng biên giới của Tổ quốc* (Đình Xuân Thái, Tạ Quang Chuyên, 2011), Tạp chí Quốc phòng toàn dân, đã khái quát về vùng DTTS&MN, nơi có vị trí quan trọng cả về chính trị, KT-XH, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tuy nhiên, lợi dụng những đặc điểm, tình hình đặc thù của vùng biên giới, các thế lực thù địch đã và đang ráo riết đẩy mạnh chống phá ta trên nhiều mặt cả kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, tạo ra những điểm “nóng” về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là ở địa bàn biên giới các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc. Do đó phát triển KT-XH gắn với củng cố quốc phòng, an ninh ở vùng biên giới là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa cơ bản lâu dài, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, thiết thực, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa phương.

Lê Văn Nam (2014) với Luận án tiến sĩ “Phát triển KT-XH gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở một số tỉnh biên giới phía Bắc” đã đánh giá đặc điểm, yêu cầu của từng tỉnh để thực hiện sự thống nhất các hoạt động phát triển KT-XH gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở phân tích về kết quả đạt được, tác giả đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém như: Công tác lập quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện; cơ cấu kinh tế chuyên dịch chậm, đời sống nhân dân chậm được cải thiện; kết cấu hạ tầng chưa tạo sự chuyển biến căn bản; đầu tư tăng gia sản xuất còn thấp. Qua đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm phát triển KT-XH gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở một số tỉnh biên giới phía Bắc như: Nâng cao nhận thức về phát triển KT-XH gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cho cán bộ,

đảng viên và nhân dân; Thực hiện quy hoạch ổn định trong dài hạn, phát triển KT-XH; Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; Củng cố, ổn định nhằm phát triển KT-XH; Nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Dự án cấp bộ: “Điều tra, đánh giá kết quả thực hiện về phân cấp xã làm chủ đầu tư trong một số chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển KT-XH, giảm nghèo do Ủy ban Dân tộc quản lý” của Nguyễn Văn Dũng (2016) đã đi sâu khảo sát về việc phân cấp cho xã làm chủ đầu tư các dự án thuộc chương trình 135. Trên cơ sở phân tích thực trạng, tác giả đã đánh giá chủ trương phân cấp làm chủ đầu tư cho cấp xã là hoàn toàn phù hợp với điều kiện và đặc điểm về văn hoá của mỗi vùng, miền. Đồng thời, đưa ra các giải pháp trong việc đẩy mạnh phân cấp cho xã làm chủ đầu tư đối với các chương trình, dự án về phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN.

Các công trình nghiên cứu trên đã cho thấy, việc phát triển kinh tế ở vùng đồng bào DTTS&MN là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Những công trình nghiên cứu ở các góc độ khác nhau nhưng tựu chung lại đều khẳng định việc phát triển kinh tế không chỉ giúp cho việc nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào các dân tộc mà còn từng bước thu hẹp về khoảng cách phát triển của các vùng, miền. Đồng thời, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN còn gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, việc phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN còn là chiến lược chung trong sự phát triển của đất nước. Vì vậy, các nghiên cứu trên đã gợi mở ra những vấn đề cho việc nghiên cứu tiếp theo về việc phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế là cơ sở lý luận chủ yếu của bài viết. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu từ các nguồn như: Báo cáo về phát triển kinh tế của các bộ, ngành, các tỉnh có đồng đồng bào các DTTS sinh sống. Các tài liệu này được tổng hợp, phân tích, đối chiếu nhằm gia tăng tính khoa học, phân tích, lập luận của bài viết.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước (1986 đến nay), với quan điểm, đồng thời cũng là nguyên tắc chủ đạo: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”, Đảng đã có nhiều chủ trương ưu tiên phát triển kinh tế đối với vùng DTTS&MN. Chủ trương, đường lối về phát triển kinh tế ở vùng

DTTS&MN được thể hiện, đó là: “Ưu tiên đầu tư phát triển KT-XH các vùng DTTS&MN, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xoá đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước... Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển KT-XH vùng biên giới. Làm tốt công tác định canh, định cư và di dân xây dựng vùng kinh tế mới; công tác quy hoạch, sắp xếp, phân bổ lại hợp lý dân cư, nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững”.

Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã thể chế hoá thành nhiều nghị quyết, quyết định thông qua các chương trình dự án nhằm ưu tiên phát triển KT-XH ở vùng DTTS&MN như: Chương trình phát triển KT-XH tại các xã đặc biệt khó khăn và vùng sâu, vùng xa; Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015; Chương trình phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025... Bên cạnh các chính sách về phát triển kinh tế chung đối với vùng DTTS của cả nước còn có các chính sách về phát triển vùng như: Phát triển KT-XH vùng Tây Nam Bộ; Phát triển KT-XH vùng Tây Nguyên, Phát triển KT-XH vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế đối với vùng DTTS&MN đã bao quát toàn diện và sâu sắc cả về chiều sâu và chiều rộng, cả về lý luận và thực tiễn, đáp ứng được nguyện vọng của đồng bào các DTTS và xu thế phát triển chung của đất nước.

4.2. Thực trạng về phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

4.2.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

Do triển khai tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và có các đề án, kế hoạch cụ thể nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng DTTS&MN trong những năm qua đạt được kết quả đáng ghi nhận. Theo Báo cáo số 732/BC-UBDT, ngày 10/06/2021 của Ủy ban Dân tộc, cho biết, “Giai đoạn 2016-2018 tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 7% và tăng dần hàng năm, cao hơn bình quân

chung của cả nước: Tăng 6,67% năm 2016; 6,89% năm 2017; 7,56% năm 2018, trong đó 21/52 địa phương có tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 đạt trên 8%”. Một số tỉnh có đồng đồng bào các DTTS có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao so với bình quân chung của cả nước, tạo nên những điểm sáng như: Bắc Giang, Lào Cai, Hoà Bình, Thanh Hoá, Kon Tum, Trà Vinh...

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn bình quân của cả nước ở một số tỉnh có đồng đồng bào DTTS

Stt	Tỉnh	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Bắc Giang	10,74	12,33	15,96
2	Thái Nguyên	12,95	12,75	10,44
2	Lào Cai	9,23	10,03	11,23
3	Hoà Bình	9,08	8,67	8,36
4	Thanh Hoá	9,13	8,26	14,07
5	Kon Tum	7,17	7,68	8,10
6	Trà Vinh	11,81	12,09	9,56

Nguồn. Báo cáo số 732/BC-UBDT về Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, ngày 10/06/2021 của Ủy ban Dân tộc.

Cùng với tốc độ tăng trưởng, cơ cấu kinh tế ở vùng DTTS&MN cũng có nhiều thay đổi theo hướng chuyển dịch tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ còn nông nghiệp cũng chuyển dần sang hướng sản xuất hàng hoá. Trong đó, nhiều địa phương đã áp dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật và phát huy tiềm năng, thế mạnh tập trung sản xuất hàng hoá thích ứng với cơ chế thị trường. Theo đó, đến nay ở vùng DTTS&MN đã phát triển được hàng ngàn mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dần hình thành được một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh theo hướng hàng hoá phát triển kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, bước đầu đem lại hiệu quả cao như: Nuôi trâu lấy thịt ở Lào Cai, Yên Bái; nuôi trồng thủy sản ở các lòng hồ thủy điện... nuôi cá tầm của đồng bào các DTTS ở Sa Pa (Lào Cai); Tam Đường (tỉnh Lai Châu). Bên cạnh đó, việc trồng cây ăn quả như xoài, nhãn ở Sơn La, vải thiều Bắc Giang, cam ở tỉnh Hoà Bình, Tuyên Quang, chuối ở huyện Mường Khương (tỉnh Lào Cai)... Ngoài ra, các tỉnh của khu vực còn phát triển các loại cây công nghiệp như chè ở các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ; cao su ở tỉnh Lai Châu... và các loại cây bơ, rau... ở khu vực Tây Nguyên; cây thanh long ruột đỏ và các loại cây trái khác ở duyên hải miền Trung và đồng bằng Sông cửu Long... Vì vậy, đời sống vật chất của đồng bào các DTTS

ngày càng được cải thiện đáng kể, quyền bình đẳng giữa các dân tộc ngày càng được thể hiện trên mọi phương diện của đời sống xã hội, khối đại đoàn các dân tộc ngày càng được tăng cường, củng cố, mở rộng và vững mạnh.

Kết quả trên là do có nhiều nguyên nhân khác nhau, đó là: Có chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu tiên phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của vùng DTTS&MN, nhất là nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn. Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp uỷ đảng, chính quyền các địa phương và sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào phát triển kinh tế phù hợp với thực tiễn của khu vực. Có sự kết hợp kịp thời, chặt chẽ của các bộ, ban ngành cũng như sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị về phát triển kinh tế đối với vùng DTTS&MN.

4.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, yếu kém nhất định khi hiện nay kinh tế ở vùng DTTS&MN còn chậm phát triển so với sự phát triển chung của cả nước, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, công tác giảm nghèo thiếu bền vững. Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg, ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ cho biết, hiện nay vùng DTTS&MN còn tới 74 huyện nghèo. Còn theo Báo cáo số 732/BC-UBND, ngày 10/6/2021 của Ủy ban Dân tộc cho biết, “Tỷ lệ hộ nghèo DTTS có xu hướng tăng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giữa các nhóm dân tộc cũng có sự chênh lệch lớn, vẫn còn nhiều nhóm DTTS có tỷ lệ hộ nghèo trên 40%, cao gấp 8 lần so với bình quân chung của cả nước”. Bên cạnh đó, một số vấn đề trong đời sống của đồng bào DTTS chưa được giải quyết thỏa đáng như “Còn hơn 24.500 hộ DTTS di cư tự phát cần sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; 122.488 hộ còn ở nhà tạm bợ, dột nát; 82.893 hộ thiếu đất sản xuất; 58.123 hộ thiếu đất ở; 223.449 hộ thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh...”.

Những hạn chế, yếu kém trên được xác định có nhiều nguyên nhân, đó là: Vùng DTTS&MN có địa bàn rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, thêm vào đó là lũ ống, lũ quét ở các tỉnh miền núi phía Bắc, hạn hán ở khu vực Tây Nguyên, nước biển dâng cao và xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long; Xuất phát điểm của vùng DTTS&MN còn thấp, cơ sở hạ tầng còn nhiều bất cập, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp, nguồn lực đầu tư chưa đảm bảo; Nhận thức của một số cán bộ các ngành, các cấp chưa thật sự sâu sắc, toàn diện. Thiếu nhất quán, chặt chẽ trong sự phối hợp giữa các ban ngành và địa phương; Chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của vùng; Một số bộ ngành,

địa phương thiếu quyết liệt; không sâu sát cơ sở; chưa thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế vùng DTTS&MN. Đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế còn yếu và thiếu; Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo điều kiện để người dân phát huy quyền làm chủ, giám sát thực hiện các chính sách chưa tốt, chưa phát huy tích cực vai trò của nhân dân. Ý thức vươn lên thoát nghèo làm giàu chính đáng của một bộ phận đồng bào DTTS còn hạn chế.

5. Thảo luận

Để phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, yếu kém về việc phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN nhằm nâng cao thu nhập cho đồng bào các dân tộc và dần thu hẹp về khoảng cách với các vùng trong cả nước, trong thời gian tới cần quan tâm thực hiện tốt các vấn đề sau:

Một là, quyết tâm thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế đối với vùng DTTS&MN đã được đưa ra trong văn các kiện, nghị quyết, kết luận của Đảng, các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Theo đó, cần tập trung cao độ thực hiện thắng lợi các mục tiêu về phát triển kinh tế vùng DTTS&MN theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khoá XIV và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025”. Trong đó, “Đến năm 2025: Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng lên 2 lần so với năm 2020; Đến năm 2030: Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước”.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng đồng bộ hạ tầng cho phát triển kinh tế, nhất là hạ tầng về giao thông. Theo đó, cần tập trung xây dựng hệ thống giao thông của các địa phương, nhất là các tuyến liên xã, huyện, tỉnh và liên kết đối với các vùng, vì giao thông được xem là “huyết mạch” cho việc thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế của vùng DTTS&MN. Vì vậy, cần ưu tiên nguồn lực trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng kiên cố nhằm đảm bảo đến năm 2025 có “100% xã có đường ô tô đến trung tâm được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hoá... Trong đó, đến năm 2030 có trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng

đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH và đời sống của người dân”. Việc đầu tư hạ tầng giao thông đồng bộ không chỉ thúc đẩy cho phát triển kinh tế mà còn thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai như lũ ống, lũ quét, khô hạn, nước biển dâng...

Ba là, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của các vùng cho phát triển kinh tế. Để phát huy tiềm năng lợi thế của vùng DTTS&MN trong phát triển kinh tế cần đẩy mạnh các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị nhằm cho phù hợp với các vùng và phù hợp với đặc điểm văn hoá, tập quán của các dân tộc. Trong đó, cần xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy mạnh phát triển các vùng như: Với vùng trung du và miền núi phía Bắc cần “Phát huy các lợi thế về tài nguyên rừng, khoáng sản, các cửa khẩu, văn hoá dân tộc đặc sắc, đa dạng và tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ...”. Đối với vùng Tây Nguyên, bên cạnh phát triển các thế mạnh của vùng cần đẩy mạnh “Phát triển nguồn nhân lực, ổn định dân cư, ưu tiên bảo tồn và khôi phục các giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc của các dân tộc vùng Tây Nguyên”. Đồng thời, cần ưu tiên các chương trình, dự án cho phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN có điều kiện đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, cần chú trọng đầu tư và khai thác các giá trị văn hoá truyền thống của các DTTS gắn với phát triển du lịch, dịch vụ nhằm tạo sinh kế và công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho đồng bào các dân tộc.

Bốn là, đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển cán bộ quản lý kinh tế giỏi. Vì hiện nay chất lượng nguồn nhân lực của vùng DTTS&MN còn rất thấp so với các vùng khác trên cả nước nên việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng DTTS&MN là một vấn đề hết sức cần thiết. Theo đó, các địa phương cần quan tâm hơn nữa việc đầu tư phát triển nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, hoàn thành cơ bản chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học và các cơ sở dạy nghề của các khu vực. Dành tỷ lệ hợp lý nguồn vốn đầu tư ngân sách cho nội dung dạy nghề đối với lao động bao gồm: đào tạo nghề mới, đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn kiến thức và kinh nghiệm làm ăn bằng các ngành, nghề nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ. Ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ dân trí và trình độ nghề nghiệp cho đồng bào các DTTS trong độ tuổi lao động.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý cán bộ người DTTS, nhất là cán bộ quản lý kinh tế giỏi. Theo đó, cần có chính sách đặc thù trong việc tuyển dụng

công chức, viên chức đối với người DTTS, nhất là nhóm DTTS rất ít người, nhóm DTTS còn nhiều khó khăn. Có cơ chế, chính sách sử dụng, đãi ngộ hợp lý cán bộ quản lý kinh tế giỏi.

Năm là, đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trên thế giới nhằm thu hút nguồn lực để đầu tư cho các chương trình, dự án về phát triển kinh tế. Đồng thời, trao đổi kinh nghiệm và chuyên gia khoa học - kỹ thuật cho phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN. Có cơ chế khuyến khích cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài đóng góp nguồn lực cho phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đối với đồng bào các dân tộc nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, ý chí, khát vọng vượt khó vươn lên của đồng bào trong phát triển kinh tế để làm giàu chính đáng.

6. Kết luận

Có thể thấy, với chủ trương, chính sách đúng đắn và phù hợp của Đảng và Nhà nước nên trong những năm qua cùng với sự phát triển chung của cả nước, vùng DTTS&MN đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế, diện mạo vùng DTTS&MN đã có nhiều thay đổi, khởi sắc. Thành tựu đạt được đó đã làm cho đồng bào các dân tộc càng tin tưởng sâu sắc hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất ngày càng vững mạnh giữa các dân tộc. Đây là sự khẳng định cho việc “Giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyên biển rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Duyên hải miền Trung”.

Vì vậy, trong thời gian tới các cấp uỷ đảng, chính quyền cũng như các ngành trong toàn hệ thống chính trị cần thực hiện tốt các vấn đề trên về phát triển kinh tế ở vùng DTTS&MN, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung xây dựng đất nước trong bối cảnh đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). *Công tác dân tộc*. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Quốc hội. (2019). *Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khoá XIV.
- Ủy ban Dân tộc. (2021). *Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*. Báo cáo số 732/BC-UBDT ngày 10/6/2021.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN THỰC HIỆN

Lê Thanh Bình^a
Trần Ái Mùi^b

^aHọc viện Dân tộc

Email: binhlt@hvd.edu.vn

^bLớp KTGD-K01, Học viện Dân tộc

Email: aimui0812@gmail.com

Nhận bài: 13/8/2022; Phản biện: 27/8/2022; Tác giả sửa: 07/9/2022; Duyệt đăng: 12/9/2022; Phát hành: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/733>

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đầu tư cho phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc và từng bước thu hẹp khoảng cách về sự phát triển giữa các vùng, miền. Vì vậy, đến nay cùng với sự phát triển lớn mạnh của cả nước, kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng, diện mạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều khởi sắc. Thành tựu đạt được đó chính là nhờ có chủ trương, chính sách đúng đắn và phù hợp của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Từ khóa: Phát triển kinh tế; Dân tộc thiểu số; Thực trạng; Vấn đề cần thực hiện; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.